

Số: /2023/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức; phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với tài sản công không được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam tại kỳ họp thứ mười sáu, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo Công văn số 338/HĐND-VP ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 498/TTr-STC ngày 18 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định:

1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

2. Quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam gồm: diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo

dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, diện tích công trình sự nghiệp khác (*ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*).

3. Quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với tài sản công không được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 (*sau đây gọi là tài sản công khác*) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam quy định tại Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, đề xuất UBND tỉnh quyết định đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý tăng dưới 10% so với diện tích quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam

1. Đối với diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính và Sở Xây dựng về tiêu chuẩn, định mức này.

2. Đối với diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo): Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Thủ trưởng

các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chánh Văn phòng các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (*trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*) sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính và Sở Xây dựng về tiêu chuẩn, định mức này.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với tài sản công khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam

1. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với tài sản công khác (*chủng loại, số lượng*) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với tài sản công khác (*chủng loại, số lượng*) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có văn bản đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với tài sản công khác (*chủng loại, số lượng*) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có văn bản đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và ý kiến thẩm định, đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố.

4. Chánh Văn phòng các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với tài sản công khác (*chủng loại, số lượng*) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có văn bản đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở làm việc, nhà làm việc, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2023.

2. Bãi bỏ Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích

chuyên dùng thuộc nhà làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Giao Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm soát diện tích theo đúng quy định trong quá trình thẩm định các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất công việc, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Tiêu chuẩn, định mức này được sử dụng làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này; nếu có khó khăn, vướng mắc, bất cập, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như Khoản 5 Điều 8 nêu trên;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH Q.Nam và Báo Q.Nam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CPVP và các đơn vị thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, STC (02). N.394.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh

Phụ lục
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA TỈNH QUẢNG NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND
ngày tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m ²)
I	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	
1	Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	40
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	100
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	40
II	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	
1	Cấp tỉnh	
1.1	<i>Văn phòng: Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân</i>	60
1.2	<i>Ban tiếp công dân</i>	70
1.3	<i>Các cơ quan, tổ chức còn lại</i>	30
2	Cấp huyện	
2.1	<i>Văn phòng: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân</i>	50
2.2	<i>Các cơ quan, tổ chức còn lại</i>	30
3	Cấp xã	
3.1	<i>Văn phòng: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân</i>	30
III	Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin	
1	Cấp tỉnh	
1.1	<i>Văn phòng Tỉnh ủy</i>	100
1.2	<i>Văn phòng: Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân</i>	40
1.3	<i>Các cơ quan, tổ chức còn lại</i>	24
2	Cấp huyện	24
IV	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên): Theo quy mô được duyệt và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam 4601:2012	
V	Kho bảo quản chứng từ có giá	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	500
2	Các cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh còn lại	300
3	Các cơ quan, tổ chức thuộc cấp huyện	100
4	Cấp xã	100

STT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m ²)
VII	Kho quản lý các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành	
1	Các cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh	200
2	Các cơ quan, tổ chức thuộc cấp huyện	150
VIII	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã	100